

Số: **98** /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày **19** tháng 8 năm 2024

### TỜ TRÌNH

Về việc quyết định số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ  
theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ  
thuộc lĩnh vực giáo dục năm học 2024 - 2025 của tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

Sau khi xem xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 532/TTr-SNV ngày 01/8/2024, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ thuộc lĩnh vực giáo dục năm học 2024 - 2025 của tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

#### **I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

Thực hiện Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Để khắc phục tình trạng thiếu biên chế, giảm tình trạng quá tải về trường lớp đối với lĩnh vực giáo dục năm học 2023 - 2024, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 giao số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ tại các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý (Tổng số **2.916** hợp đồng lao động, trong đó: cấp học mầm non 1.075

*hợp đồng lao động; cấp học tiểu học 811 hợp đồng lao động; cấp học trung học cơ sở 894 hợp đồng lao động; cấp học trung học phổ thông 136 hợp đồng lao động).*

Để tiếp tục khắc phục tình trạng thiếu biên chế, giảm tình trạng quá tải về trường lớp hiện nay đối với lĩnh vực giáo dục năm học 2024 - 2025 trong khi chưa được Trung ương giao biên chế theo định mức quy định, thì việc giao số lượng hợp đồng lao động tại các trường mầm non, phổ thông công lập, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện năm học 2024 - 2025 là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh giao số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ thuộc lĩnh vực giáo dục năm học 2024 - 2025 của tỉnh Thái Nguyên là: **3.710** hợp đồng lao động, với tổng kinh phí dự kiến là: **338.154.586.632** đồng/12 tháng (*tối đa từ tháng 9/2024 đến 31/8/2025*), cụ thể như sau:

**II. Kết quả thực hiện hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ thuộc lĩnh vực giáo dục năm học 2023 - 2024 (tại Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh)**

### **1. Đối với cấp học mầm non**

a) Số lượng hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền giao năm học 2023 - 2024 là: 1.075 hợp đồng.

b) Số thực hiện đến thời điểm 01/7/2024 là: 840 hợp đồng.

c) Số chưa thực hiện: 235 hợp đồng. *Lý do:* địa phương không có nguồn nhân lực để tuyển hoặc có những trường hợp đang hợp đồng, đăng ký thi đã trúng tuyển vào biên chế viên chức.

### **2. Đối với cấp học tiểu học**

a) Số lượng hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền giao năm học 2023 - 2024 là: 811 hợp đồng.

b) Số thực hiện đến thời điểm 01/7/2024 là: 623 hợp đồng.

c) Số chưa thực hiện: 188 hợp đồng. *Lý do:* địa phương không có nguồn nhân lực để tuyển hoặc có những trường hợp đang hợp đồng, đăng ký thi đã trúng tuyển vào biên chế viên chức.

### **3. Đối với cấp học trung học cơ sở**

a) Số lượng hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền giao năm học 2023 - 2024 là: 894 hợp đồng.

b) Số thực hiện đến thời điểm 01/7/2024 là: 722 hợp đồng.

c) Số chưa thực hiện: 172 hợp đồng. *Lý do:* địa phương không có nguồn nhân lực để tuyển hoặc có những trường hợp đang hợp đồng, đăng ký thi đã trúng tuyển vào biên chế viên chức.



#### 4. Đối với cấp học trung học phổ thông

a) Số lượng hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền giao năm học 2023 - 2024 là: 136 hợp đồng.

b) Số thực hiện đến thời điểm 01/7/2024 là: 101 hợp đồng.

c) Số chưa thực hiện: 35 hợp đồng. Lý do: các trường không có nguồn nhân lực để tuyển hoặc có những trường hợp đang hợp đồng, đăng ký thi đã trúng tuyển vào biên chế viên chức.

#### 5. Đánh giá chung

a) Ưu điểm:

Sau một năm học thực hiện ký hợp đồng lao động làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ đã mang lại hiệu quả tích cực, giúp giảm áp lực thiếu giáo viên và nhân viên tại các trường học, giảm tình trạng quá tải về trường lớp, học sinh cấp học mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của địa phương.

b) Hạn chế:

- Nhiều đơn vị sự nghiệp công lập chưa tuyển dụng đủ số lao động hợp đồng được cấp có thẩm quyền giao, do một số địa phương thiếu nguồn tuyển<sup>1</sup>, đặc biệt là ở các địa phương có khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Mặc dù hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP được hưởng các chế độ, chính sách như viên chức, tuy nhiên quy định thời hạn hợp đồng không quá 12 tháng khiến người lao động chưa yên tâm công tác. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc chưa thu hút được nguồn nhân lực tham gia ký hợp đồng lao động.

### III. Đề nghị thực hiện hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ thuộc lĩnh vực giáo dục năm học 2024 - 2025

#### 1. Đối với cấp học mầm non

a) Số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2024 là: 6.191 biên chế. Số biên chế đã thực hiện đến thời điểm 01/7/2024 là: 5.821 biên chế.

b) Số biên chế còn thiếu so với định mức quy định: 1.448 biên chế (1.196 giáo viên, 252 nhân viên).

c) Số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP đề nghị giao (*không quá 70% số chênh lệch giữa số biên chế được giao với số lượng theo định mức*) là: **1.002** hợp đồng (831 giáo viên; 171 nhân viên).

d) Dự kiến kinh phí thực hiện là: **94.453.060.360** đồng/12 tháng.

#### 2. Đối với cấp học tiểu học

a) Số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2024 là: 6.568 biên chế. Số biên chế đã thực hiện đến thời điểm 01/7/2024 là: 6.137 biên chế.

<sup>1</sup> Cụ thể: thành phố Phổ Yên, thành phố Sông Công, thành phố Thái Nguyên, huyện Phú Bình, huyện Võ Nhai.

b) Số biên chế còn thiếu so với định mức quy định: 1.628 biên chế (824 giáo viên, 804 nhân viên).

c) Số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP đề nghị giao (*không quá 70% số chênh lệch giữa số biên chế được giao với số lượng theo định mức*) là: **1.113** hợp đồng (571 giáo viên; 542 nhân viên).

d) Dự kiến kinh phí thực hiện là: **101.335.892.608** đồng/12 tháng.

### 3. Đối với cấp học trung học cơ sở

a) Số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2024 là: 5.013 biên chế. Số biên chế đã thực hiện đến thời điểm 01/7/2024 là: 4.743 biên chế.

b) Số biên chế còn thiếu so với định mức quy định: 1.830 biên chế (1.009 giáo viên, 821 nhân viên).

c) Số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP đề nghị giao (*không quá 70% số chênh lệch giữa số biên chế được giao với số lượng theo định mức*) là: **1.257** hợp đồng (706 giáo viên; 551 nhân viên).

d) Dự kiến kinh phí thực hiện là: **111.150.689.128** đồng/12 tháng.

### 4. Đối với cấp học trung học phổ thông


a) Số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2024 là: 2.188 biên chế. Số biên chế có mặt đến thời điểm 01/7/2024 là: 2.130 biên chế.

b) Số biên chế còn thiếu so với định mức quy định: 509 biên chế (350 giáo viên, 159 nhân viên).


c) Số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP đề nghị giao (*không quá 70% số chênh lệch giữa số biên chế được giao với số lượng theo định mức*) là: **338** hợp đồng (231 giáo viên; 107 nhân viên).

d) Dự kiến kinh phí thực hiện là: **31.214.944.536** đồng/12 tháng.

(*Có dự thảo Nghị quyết và Biểu phụ lục chi tiết kèm theo*).

Với các nội dung nêu trên, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định để làm căn cứ tổ chức triển khai thực hiện. 

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, TH. 

Cuongtm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Đặng Xuân Trường



**BIỂU TỔNG HỢP ĐỀ NGHỊ GIAO SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP NGÀY 30/12/2022 CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025**  
(Kèm theo Tờ trình số: **98** /TTr-UBND ngày **19** /8/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên)



Số TT	Cấp học	Số biên chế được giao năm 2024	Số biên chế đã thực hiện đến thời điểm 01/7/2024	Số biên chế còn thiếu theo định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo			Số lượng hợp đồng lao động đề nghị giao theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP năm học 2024 - 2025			Dự kiến kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP năm học 2024 - 2025		
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
					Giáo viên	Nhân viên		Giáo viên	Nhân viên		Giáo viên	Nhân viên
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
TỔNG SỐ		19.960	18.831	5.415	3.379	2.036	3.710	2.339	1.371	338.154.586.632	239.830.051.848	98.324.534.784
1	Mầm non	6.191	5.821	1.448	1.196	252	1.002	831	171	94.453.060.360	82.409.710.800	12.043.349.560
2	Tiểu học	6.568	6.137	1.628	824	804	1.113	571	542	101.335.892.608	61.865.013.448	39.470.879.160
3	Trung học cơ sở	5.013	4.743	1.830	1.009	821	1.257	706	551	111.150.689.128	72.133.687.048	39.017.002.080
4	Trung học phổ thông	2.188	2.130	509	350	159	338	231	107	31.214.944.536	23.421.640.552	7.793.303.984

**\* Ghi chú**

- Cột 6: số hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP không quá 70% số biên chế còn thiếu theo định mức.
- Cột 7: dự kiến kinh phí 01 hợp đồng = hệ số lương (bậc học mầm non: 2,1; bậc học tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông: 2,34; nhân viên: 2,1) \* 2.340.000đ + ưu đãi nghề (nếu có) + % bảo hiểm và kinh phí công đoàn (tính trên 12 tháng). Áp dụng thực hiện kể từ ngày 01/9/2024.





STT	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương	Số trường, số lớp, số học sinh năm học 2024 - 2025												Số biên chế được giao, biên chế đã thực hiện, biên chế tính theo định mức năm học 2024 - 2025										Số lượng hợp đồng lao động để nghị giao theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP			Ghi chú		
		Tổng số trường	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Tổng số lớp học 2 buổi/ ngày	Tổng số học sinh học 2 buổi/ ngày	Số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2024				Số biên chế đã thực hiện tính đến 01/7/2024	Số biên chế tính theo định mức			Số biên chế còn thiếu theo định mức			Số biên chế tính theo định mức			
			Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh			Trong đó					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số		Trong đó	
															Quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Giáo viên			Nhân viên	Giáo viên		Nhân viên	Giáo viên			Nhân viên	
TỔNG SỐ		200	773	22.577	805	23.955	740	21.822	819	25.139	798	24.455	3.935	117.948	6.568	491	5.452	625	6.137	7.705	6.276	1.429	1.628	824	804	1.113	571	542	
1	UBND thành phố Thái Nguyên	39	166	5.677	176	5.911	158	5.294	185	6.328	180	6.142	865	29.352	1.367	94	1.148	125	1.271	1.641	1.346	295	368	198	170	254	138	116	
2	UBND thành phố Phổ Yên	27	104	3.416	110	3.801	98	3.397	104	3.716	102	3.607	518	17.937	873	65	690	118	791	1.038	841	197	230	151	79	161	106	55	
3	UBND thành phố Sông Công	11	41	1.325	44	1.314	37	1.154	45	1.462	42	1.330	209	6.585	329	26	274	29	298	406	328	78	103	54	49	68	35	33	
4	UBND huyện Phú Lương	20	66	1.789	68	1.908	64	1.799	70	2.098	68	1.984	336	9.578	583	48	469	66	569	671	524	147	136	55	81	95	38	57	
5	UBND huyện Phú Bình	21	92	2.882	98	3.086	90	2.724	102	3.200	100	3.148	482	15.040	758	50	646	62	638	917	757	160	209	111	98	145	77	68	
6	UBND huyện Đại Từ	24	100	3.025	106	3.257	97	2.972	110	3.478	104	3.281	517	16.013	824	52	710	62	796	1.082	908	174	310	198	112	215	138	77	
7	UBND huyện Đồng Hỷ	19	70	1.726	66	1.682	66	1.686	70	1.748	68	1.871	340	8.713	595	59	482	54	572	654	529	125	118	47	71	83	33	50	
8	UBND huyện Định Hóa	20	63	1.473	62	1.650	64	1.570	65	1.723	62	1.703	316	8.119	608	49	494	65	590	636	496	140	77	2	75	53	1	52	
9	UBND huyện Võ Nhai	19	68	1.228	73	1.326	63	1.188	66	1.360	70	1.362	340	6.464	614	48	522	44	597	632	529	103	66	7	59	32	4	28	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo		3	36	2	20	3	38	2	26	2	27	12	147	17		17		15	28	18	10	11	1	10	7	1	6	

TỔNG HỢP NHU CẦU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP NGÀY 30/12/2022 CỦA CHÍNH PHỦ  
THỰC HIỆN CÔNG VIỆC CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025  
(ĐỐI VỚI CẤP HỌC TRUNG HỌC CƠ SỞ)

(Kèm theo Tờ trình số: 98 /TTr-UBND ngày 19 /8/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương	Số trường, số lớp, số học sinh năm học 2024 - 2025											Số biên chế được giao, biên chế đã thực hiện, biên chế tính theo định mức năm học 2024 - 2025										Số lượng hợp đồng lao động đề nghị giao theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP					Ghi chú
		Tổng số trường	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2024			Số biên chế đã thực hiện tính đến 01/7/2024	Số biên chế tính theo định mức			Số biên chế còn thiếu theo định mức			Nghị định số 111/2022/NĐ-CP					
					Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Tổng số	Trong đó			Tổng số				Tổng số							
														Quản lý	Giáo viên			Nhân viên	Giáo viên	Nhân viên		Giáo viên	Nhân viên	Giáo viên	Nhân viên			
	TỔNG SỐ	190	2.432	95.246	640	25.179	689	27.471	566	21.913	537	20.683	5.013	422	3.904	687	4.743	6.421	4.913	1.508	1.830	1.009	821	1.257	706	551		
1	UBND thành phố Thái Nguyên	36	575	23.919	153	6.225	163	6.900	139	5.739	120	5.055	1.128	76	902	150	1.101	1.433	1.142	291	381	240	141	268	169	99		
2	UBND thành phố Phổ Yên	17	310	13.843	83	3.716	89	4.014	71	3.127	67	2.986	563	38	453	72	500	760	620	140	235	167	68	164	117	47		
3	UBND thành phố Sông Công	8	136	5.466	35	1.369	38	1.637	32	1.307	31	1.153	238	15	199	24	208	334	268	66	111	69	42	74	48	26		
4	UBND huyện Phú Lương	16	203	7.675	54	1.983	56	2.182	47	1.798	46	1.712	442	33	352	57	436	536	405	131	127	53	74	89	37	52		
5	UBND huyện Phú Bình	20	305	12.070	80	3.220	92	3.623	66	2.580	67	2.647	562	40	462	60	496	767	607	160	245	145	100	171	101	70		
6	UBND huyện Đại Từ	32	342	12.692	90	3.357	95	3.621	79	2.882	78	2.832	757	73	559	125	746	982	717	265	298	158	140	209	111	98		
7	UBND huyện Đồng Hỷ	16	196	7.235	50	1.894	57	2.119	43	1.623	46	1.599	388	46	307	35	359	515	398	117	173	91	82	121	64	57		
8	UBND huyện Định Hóa	24	201	6.657	52	1.849	55	1.858	48	1.529	46	1.421	478	49	346	83	461	600	408	192	171	62	109	119	43	76		
9	UBND huyện Võ Nhai	21	159	5.592	41	1.534	43	1.494	40	1.306	35	1.258	437	49	315	73	417	468	337	131	80	22	58	37	15	22		
10	Sở Giáo dục và Đào tạo		5	97	2	32	1	23	1	22	1	20	20	3	9	8	19	26	11	15	9	2	7	5	1	4		



TỔNG HỢP NHU CẦU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP NGÀY 30/12/2022 CỦA CHÍNH PHỦ  
THỰC HIỆN CÔNG VIỆC CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025  
(ĐỐI VỚI CẤP HỌC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG)

(Kèm theo Tờ trình số: *JB* /TTr-UBND ngày *19* /8/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương	Số trường, số lớp, số học sinh năm học 2024 - 2025									Số biên chế được giao, biên chế đã thực hiện, biên chế tính theo định mức năm học 2024 - 2025										Số lượng hợp đồng lao động đề nghị giao theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP			Ghi chú	
		Tổng số trường	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12		Số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2024				Số biên chế đã thực hiện tính đến 01/7/2024	Số biên chế tính theo định mức			Số biên chế còn thiếu theo định mức						
					Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Tổng số	Trong đó				Tổng số			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
												Quản lý	Giáo viên	Nhân viên			Giáo viên	Nhân viên		Giáo viên	Nhân viên		Giáo viên		Nhân viên
	TỔNG SỐ	38	995	42.864	342	14.985	332	14.231	321	13.648	2.188	106	1.924	158	2.130	2.591	2.274	317	509	350	159	338	231	107	
1	UBND thành phố Phổ Yên	1	17	704	5	225	6	232	6	247	21	4	16	1	21	46	38	8	29	22	7	19	15	4	
2	UBND huyện Phú Lương	1	13	581	3	135	4	190	6	256	16		13	3	16	37	29	8	21	16	5	14	11	3	
3	UBND huyện Phú Bình	1	23	931	6	270	6	255	11	406	25	3	19	3	21	56	52	4	34	33	1	12	12	0	
4	UBND huyện Đại Từ	1	21	901	7	315	7	268	7	318	32	2	25	5	24	55	47	8	25	22	3	17	15	2	
5	UBND huyện Đồng Hỷ	1	8	384	3	150	2	98	3	136	17	2	13	2	17	26	18	8	11	5	6	7	3	4	
6	UBND huyện Định Hóa	1	13	593	5	225	5	223	3	145	16	0	14	2	15	38	29	9	22	15	7	15	11	4	
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	32	900	38.770	313	13.665	302	12.965	285	12.140	2.061	95	1.824	142	2.016	2.333	2.061	272	367	237	130	254	164	90	

Ghi chú: 03 huyện, thành phố: Thái Nguyên; Sông Công; Võ Nhai không đăng ký nhu cầu hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ thuộc lĩnh vực giáo dục năm học 2024 - 2025 đối với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

Số: /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng 9 năm 2024

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc quyết định số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ  
theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ  
thuộc lĩnh vực giáo dục năm học 2024 - 2025 của tỉnh Thái Nguyên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ  
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ  
về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của  
Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính  
và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của  
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức  
theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở  
giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của  
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức  
theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở  
giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

Thực hiện Kết luận số ....-KL/TU ngày ..... tháng 8 năm 2024 của Ban  
Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương giao số lượng hợp đồng lao động chuyên môn,  
nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ  
thuộc lĩnh vực giáo dục năm học 2024 - 2025 của tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ..... tháng 8 năm 2024 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quyết định số lượng hợp đồng lao động  
chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022  
của Chính phủ thuộc lĩnh vực giáo dục năm học 2024 - 2025 của tỉnh Thái Nguyên;  
Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của  
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.



## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Quyết định số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ thuộc lĩnh vực giáo dục năm học 2024 - 2025 của tỉnh Thái Nguyên, như sau:

1. Số lượng hợp đồng lao động: **3.710** hợp đồng lao động, cụ thể:
  - a) Mầm non: 1.002 hợp đồng lao động (831 giáo viên; 171 nhân viên).
  - b) Tiểu học: 1.113 hợp đồng lao động (571 giáo viên; 542 nhân viên).
  - c) Trung học cơ sở: 1.257 hợp đồng lao động (706 giáo viên; 551 nhân viên).
  - d) Trung học phổ thông: 338 hợp đồng lao động (231 giáo viên; 107 nhân viên).

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).*

2. Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động: được bố trí từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương (ngoài kinh phí giao tự chủ của cơ quan, đơn vị, địa phương).

3. Thời gian thực hiện hợp đồng không quá 12 tháng (tối đa từ tháng 9/2024 đến 31/8/2025).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ hai mươi (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày...tháng 9 năm 2024./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Nội vụ (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

## CHỦ TỊCH

**Phạm Hoàng Sơn**

